

Bản án số: 47/2023/DSST
Ngày: 02 – 8 – 2023
T/c: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Chí L

- Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng k

Bà Chung Kim S

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim U- Thư ký Tòa án.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2023/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Khóm 2, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: L20 đường Dương Bạch Mai, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1988 – Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2023. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1262/22A đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 27/39 đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Ngọc B trình bày:**

Năm 2019 bà B có cho bà Trần Thị H vay số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 20%/năm. Sau nhiều lần bà H hẹn trả mà không trả, nên ngày 18/7/2019 bà H đã viết giấy cam kết trong thời hạn 3 năm sẽ thanh toán hết nợ cho bà B.

Tuy nhiên cho tới hôm nay, đã quá thời hạn thanh toán theo cam kết mà bà H vẫn chưa trả nợ cho bà B, mặc dù bà B đã nhiều lần yêu cầu. Việc bà H không trả tiền vay cho bà B đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

Tính đến ngày 24/03/2023, bà H còn nợ bà B tổng số tiền gốc và lãi là 607.945.205 đồng, trong đó: tiền gốc là 350.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 18/7/2019 đến ngày 24/3/2023 với lãi suất 20%/năm là 257.945.205 đồng.

Bà B đồng ý trừ đi số tiền 83.000.000 đồng của 10 biên nhận bà H cung cấp mà bà B có ký tên. Bà B yêu cầu bà Trần Thị H phải trả cho bà B tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 630.575.342 đồng, trong đó: nợ gốc 350.000.000 đồng, lãi là 280.575.342 đồng, sau khi cân trừ số tiền 83.000.000 đồng, còn lại là 547.575.342 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 20%/năm kể từ ngày 18/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử.

*** Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:**

Bà H xác nhận trước đây có vay tiền của bà B nhiều lần, tổng cộng số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 10.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi 3.000.000 đồng (tương đương 30%/tháng), tuy nhiên bà H không có ghi lãi suất trong biên nhận và khi đóng lãi cũng không ghi giấy tờ, sổ sách gì. Sau khi vay mượn bà H có trả gốc cho bà B số tiền 60.000.000 đồng, còn lại nợ gốc là 290.000.000 đồng nhưng bà H chốt lại biên nhận còn nợ bà B số tiền 300.000.000 đồng, biên nhận 300.000.000 đồng bà B giữ, bà H không giữ. Sau khi chốt số nợ 300.000.000 đồng bà H tiếp tục trả gốc cho bà B số tiền 104.000.000 đồng. Như vậy bà H xác nhận hiện nay bà H còn nợ lại bà B số tiền nợ gốc là 196.000.000 đồng. Bà H xác nhận hiện nay điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn không thể trả một lần hết số nợ trên nên xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ 196.000.000 đồng và xin bỏ phần lãi.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị H phải trả số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ khi ghi biên nhận nợ, đồng ý cản trừ số tiền 83.000.000 đồng mà bà H đã trả cho bà B. Đối với số tiền 21.000.000 đồng bà H trả cho bà B theo biên nhận mà bà H đã cung cấp, phía nguyên đơn xác nhận là chữ viết của bà B nhưng bà B không có nhận tiền và cũng không có ký tên nên không đồng ý cản trừ.

Bà Trần Thị H thừa nhận vào năm 2019 có vay của bà B số tiền gốc là 350.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng không có ghi vào biên nhận. Đến nay bà H đã trả số tiền gốc cho bà B được nhiều lần, nay chỉ còn nợ gốc 196.000.000 đồng, bà xác định có đóng lãi cho bà B được khoảng 01 năm nhưng không nhớ bao nhiêu, khi đóng lãi cũng không có ghi lại biên nhận. Bà H cho rằng hiện nay gia đình gặp khó khăn nên xin trả dần 02 lần, trong 06 tháng trả 100 triệu đồng, 06 tháng tiếp theo trả hết số tiền 196.000.000 đồng, xin bỏ phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Ngọc B tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị H phải trả số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/7/2019 đến ngày 02/8/2023 cho bà Nguyễn Ngọc B, không yêu cầu trách nhiệm trả nợ của chồng bà H.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 18/7/2019 với số tiền bà H vay của bà B là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) có dấu vân tay của bà H, đồng thời bà H cũng

thống nhất với biên nhận này, do đó sự việc bà H có vay của bà B với số tiền gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) là có sự thật và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H cho rằng sau khi vay bà đã trả cho bà B số tiền gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), sau đó hai bên xác nhận nợ lại còn 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), có ký lại biên nhận do bà B giữ, sau đó bà H tiếp tục trả tiền gốc cho bà B số tiền 104.000.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu đồng). Qua lời trình bày của bà H, xét thấy nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày này và xác định bà H chỉ trả tiền lãi không trả tiền gốc, đồng thời bà H cũng không đưa ra được các chứng cứ khác thể hiện bà đã trả số tiền gốc nêu trên cho bà B. Do đó, lời trình bày này của bà H là không có cơ sở để chấp nhận. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Ngọc B khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H trả số tiền vay gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ để chấp nhận.

Về khoản tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/7/2019 đến ngày 02/8/2023. Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất khi vay tiền chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng không có ghi vào biên nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 20%/ năm còn bị đơn thì cho rằng hai thỏa thuận lãi suất đến 30%/tháng nhưng các bên đều không có chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất nhưng chưa xác định được lãi suất và có tranh chấp. Như vậy, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận và lãi suất được tính từ ngày 18/7/2019 đến ngày 02/8/2023 theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự như sau:

$$350.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ năm} \times 10\%/\text{năm} = 141.936.667 \text{ đồng}$$

Nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà bị đơn đã trả đối với các biên nhận có ký tên là 83.000.000 đồng. Đối với biên nhận có ghi bà H trả nhiều lần với số tiền 21.000.000 đồng, tuy nguyên đơn không có ký tên nhưng đã thừa nhận là chữ viết của nguyên đơn, đồng thời nội dung biên nhận có ghi rõ số tiền và ngày tháng năm trả lãi mà nguyên đơn đã đưa cho bị đơn giữ. Do đó, xét thấy lời trình bày của bị đơn là có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi sau khi căn trừ số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là: 141.936.667 đồng – 104.000.000 đồng = 37.936.667 đồng.

Từ những cơ sở trên xác định nội dung các đương sự giao kết hợp đồng vay tài sản là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 116, khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về

chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh; và áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, lãi suất cho vay. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Nguyễn Ngọc B, buộc bị đơn- bà Trần Thị H trả cho bà Nguyễn Ngọc B số tiền vay gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 37.936.667 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 387.936.667 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Đối với yêu cầu xin trả dần của bà H, phía nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này của các bên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nếu bị đơn thật sự có khó khăn về kinh tế thì sau khi án có hiệu lực pháp luật, có thể làm đơn gửi Cơ quan thi hành án để xem xét nguyện vọng của bà.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 93, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng: khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Xử :

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc B về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn- bà Trần Thị H.

- Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc B số tiền vay gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 37.936.667 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 387.936.667 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Trần Thị H được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS
- Phòng GĐKT
- Lưu vp

BÙI CHÍ L

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nghị án kết thúc hồi 10 giờ 30 ngày 15 tháng 11 năm 2018. Các thành viên Hội đồng xét xử đã nghe đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN LỆ NGA

TRƯƠNG HOÀI KHÁNH

BÙI CHÍ LINH

Rạch Giá, ngày 13 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 00 ngày 29 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Chí Linh**

* Các vị hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Cao Trọng Mạnh**

2/ Bà **Chung Kim Sang**

Tiến hành nghị án về vụ kiện dân sự đình thụ lý số 155/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh hợp đồng vay tài sản" giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.**

Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức Đạt** – Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Kiên Giang

* **Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Hiệp**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 80/8 Nguyễn Trung Trực, khu phố 1, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Dương B Liên**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 80/8 Nguyễn Trung Trực, khu phố 1, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

1. Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xác định là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

2. Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng: Các điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Xử :

- Không công nhận chị Đặng Thị Oanh và anh Phạm Thành Nam là vợ chồng.
- Về con chung và cấp dưỡng: Giao hai cháu Phạm Thành Đạt, sinh ngày 24/7/2003 và Phạm Đạt Thành, sinh ngày 24/7/2003 cho chị Đặng Thị Oanh nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Oanh không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con. Anh Nam được thăm nom con, không ai được ngăn cản. Anh Nam cũng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có nên HĐXX không xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Chị Oanh và anh Nam xác nhận không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

* Về án phí HNGĐST là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), buộc chị Đặng Thị Oanh phải nộp số tiền trên và được khấu trừ vào phần tạm ứng án phí mà chị Oanh đã nộp theo biên lai thu số 02617 ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Hội đồng xét xử biểu quyết các vấn đề trên với kết quả 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc hồi 16 giờ 30 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các thành viên Hội đồng xét xử đã nghe đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Trọng Mãnh

Chung Kim Sang

Bùi Chí Linh